

# GIÁ TRỊ VÀ HẠN CHẾ CỦA ĐẠO ĐỨC HỌC THỜI KÌ HY LẠP HÓA

HUỶNH NGUYỄN PHÁT<sup>(\*)</sup>

**Tóm tắt:** Thời kì Hy Lạp hóa với bối cảnh lịch sử của nó đã nảy sinh ra các trường phái triết học mới trên cơ sở kế thừa những tư tưởng trước đó. Trong hệ thống triết học của các triết gia thời kì Hy Lạp hóa, đạo đức học là vấn đề trung tâm và quan trọng bậc nhất. Bởi vì trong hoàn cảnh chính trị - xã hội bất ổn, con người cần có định hướng và biện pháp để đương đầu với nghịch cảnh và vượt qua nó. Cho đến nay, đạo đức học thời kì Hy Lạp hóa vẫn giữ cho mình sức ảnh hưởng mạnh mẽ đến giới nghiên cứu và con người đương đại nói chung. Khi nói đến triết học thời kì Hy Lạp hóa, người ta nhớ đến ba trường phái quan trọng nhất là Khắc kỷ, Epicurus và Hoài nghi. Do đó, tác giả đã khảo cứu một số tác phẩm cốt yếu của các triết gia thuộc ba trường phái trên, đặt chúng vào bối cảnh lịch sử khi đó, để có cái nhìn khái quát và thấy được đặc điểm của từng trường phái. Từ cơ sở đó, bài viết sẽ trình bày một số giá trị và hạn chế của đạo đức học thời kì Hy Lạp hóa để nhằm chứng tỏ chúng ta có thể ứng dụng triết học thời này vào đời sống của chính mình.

**Từ khóa:** triết học Hy Lạp hóa, đạo đức học Hy Lạp hóa, ataraxia, hạnh phúc.

**Abstract:** The Hellenistic period, with its historical context, gave rise to new philosophical schools based on the inheritance of previous thoughts. In the philosophical systems of the philosophers from the Hellenistic period, ethics was the central and most important issue. Because of the unstable political and social situation, people needed guidance and ways to cope with adversity and overcome it. To this day, Hellenistic ethics still holds significant influence on researchers and contemporary society in general. When discussing Hellenistic philosophy, three major schools are commonly remembered: Stoicism, Epicureanism, and Skepticism. Therefore, the author has studied some essential works of philosophers from these three schools, placing them in their historical context, to provide an overview and understand the characteristics of each school. From this foundation, the article will present some values and limitations of Hellenistic ethics to demonstrate that we can apply the philosophy of this period to our own lives.

**Keywords:** Hellenistic philosophy, Hellenistic ethics, ataraxia, well-being.

Ngày nhận bài: 27/12/2024; Ngày gửi phản biện: 16/1/2025; Ngày duyệt đăng bài: 20/02/2025.

## 1. Mở đầu

Những cuộc viễn chinh của Alexandros Đại đế đã mở ra thời kì giao lưu và phổ biến văn hóa Hy Lạp đến khắp nơi, góp phần thúc đẩy triết học và khoa học phát triển. Nhưng đồng thời, chiến tranh liên miên và nhất là cái chết của Alexandros đã dẫn đến tình hình chính trị - xã hội Hy Lạp khi đó rơi vào bất ổn, đời sống con người gặp nhiều khó khăn. Đứng trước bối cảnh lịch sử trên, cộng với việc những tư tưởng triết học truyền thống từ thời Thales đến Platon đã trở nên bế tắc, các nhà triết học thời kì Hy Lạp hóa bắt đầu tìm kiếm lối thoát bằng tư tưởng, thông qua đó để giúp con người xác định cách sống trong hoàn cảnh mới. Thoạt nhìn, có vẻ như các trường phái triết học thời kì Hy Lạp hóa là có tính chiết trung,

---

<sup>(\*)</sup> Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

bởi trong tư tưởng của họ có dáng dấp của triết học tự nhiên thời kì tiền Socrates (Heraclitus và phái Elea), đạo đức học của Socrates, nhưng thực chất những tư tưởng của trường phái Khắc kỷ, Epicurus, trường phái Hoài nghi đều mang bản sắc, dấu ấn riêng của họ và sự chuyển hướng trong triết học đó có những giá trị lịch sử nhất định. Chúng ta cũng cần nhớ lại rằng, thời kì Hy Lạp hóa có năm trường phái triết học là Khắc kỷ, Epicurus, Hoài nghi, Platon mới, Tiêu dao, nhưng chỉ có ba trường phái đầu tiên được nhớ đến nhiều nhất vì những đóng góp sáng tạo của họ cho lịch sử tư tưởng. Cho nên, nói đến thời kì Hy Lạp hóa, người ta sẽ nhớ đến các triết gia lừng danh: Zenon, Epictetus, Seneca, Marcus Aurelius,... (thuộc phái Khắc kỷ); Epicurus; các nhà Hoài nghi như Pyrrho, Sextus Empiricus, v.v.. Theo nhận xét của David E. Cooper cho rằng: “Theo khuynh hướng thời nay, phương pháp thường nghiệm và duy vật của các nhà triết học này phần nào khiến họ trở nên hấp dẫn hơn các nhà triết học lỗi lạc tiền bối của họ” (Cooper, D.E., 2005, tr. 132). Trước hết, có thể thấy rằng tư tưởng đạo đức học của các triết gia thời kì Hy Lạp hóa thể hiện những quan niệm nhân sinh sâu sắc, chứa đựng nhiều giá trị tham khảo đối với chúng ta ngày nay. Nhưng, tư tưởng của các triết gia thời kì Hy Lạp hóa không chỉ nằm trong giới hạn như vậy. Bởi vì, để có được những quan niệm đạo đức học, các triết gia thời kì này, nhất là trường phái Khắc kỷ, Epicurus đã xuất phát từ những quan niệm chung nhất về thế giới để làm nền tảng lí luận và từ đó triển khai thành các vấn đề bộ phận. Vì thế, học tập đạo đức học của các triết gia thời kì Hy Lạp hóa sẽ cung cấp phương pháp luận cho chúng ta xây dựng các quan niệm về đời sống hạnh phúc. Vậy đạo đức học thời kì Hy Lạp hóa đã gợi mở những gì cho chúng ta? Và đồng thời, các triết gia thời kì Hy Lạp hóa vướng phải những hạn chế như thế nào trong đạo đức học?

## 2. Giá trị

*Thứ nhất, quan niệm về ý nghĩa của triết học được thể hiện ở mục đích thực tế là đời sống con người ngay hiện tại.* Các triết gia của ba trường phái Khắc kỷ, Epicurus và Hoài nghi đã kế thừa quan niệm của các triết gia tiền bối, tiếp tục xem triết học đóng vai trò trung tâm trong hệ thống tri thức, hiểu biết của con người. Thời kì Hy Lạp hóa chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, một trong những bước tiến mới là khoa học cụ thể như toán học và y học bắt đầu tách ra khỏi triết học. Tuy vậy, triết học vẫn giữ một vị trí quan trọng không thể lay chuyển trong nền văn minh Hy Lạp - La Mã lúc bấy giờ. Nhưng, đóng góp có giá trị lớn lao của các triết gia Hy Lạp hóa là quan niệm xem triết học như nghệ thuật sống, “y học” dành cho tâm hồn - chữa trị những căn bệnh của tâm hồn. Epicurus đã so sánh triết học như thuốc men. Chính vì vậy, đạo đức học đóng vai trò hạt nhân trong triết học của các trường phái ở thời kì này, đó là hàng loạt các giải pháp cho đời sống con người - những “nhân sinh quan” mới đáp ứng yêu cầu bức thiết xuất phát từ bối cảnh tồn tại xã hội. Như triết gia Seneca thuộc phái Khắc kỷ viết: “Triết học không phải mảnh khóc để thu hút khán giả, hay là thứ ta cố gắng có được để khoe khoang. Triết học cốt ở hành động, không phải lời nói... Triết học ra tay chèo lái con thuyền cuộc đời khi ta đang quay cuồng, bị những cơn sóng của sự bất định bao quanh. Không có triết, cuộc đời ta sẽ toàn bận rộn và lo toan. Vì mỗi giờ, mỗi ngày, có vô số thứ diễn ra cần sự định hướng, mà chỉ có triết học mới có thể đáp ứng” (Seneca, T1, 2022a, tr. 139 - 140).

Hiện nay, do nhiều nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan dẫn đến những ngộ nhận, hiểu lầm về triết học. Hầu hết ở các cơ sở giáo dục đại học đều giảng dạy triết học - học phần bắt buộc đối với sinh viên, nhưng thực trạng cho thấy: “Người học thường coi nhẹ các môn lí luận vì cho rằng, chúng không giúp ích gì cho ngành học hoặc công việc của họ sau này. Họ mặc định đây là môn học khô khan, nhàm chán, từ đó có thái độ tiêu cực đối với

môn học” (Lê Thị Hương, 2020, tr. 13 - 14). Tuy nhiên, từ quan niệm của các triết gia Hy Lạp hóa đã khẳng định triết học không chỉ là một môn học, một loại kiến thức của con người, mà nó là nghệ thuật sống - những phương thức hữu hiệu giúp con người có cuộc sống hạnh phúc và tốt đẹp. Việc tự giới hạn triết học trong khuôn khổ như một bộ môn nghiên cứu dẫn đến đôi lúc xảy ra tình trạng xa rời thực tế, rơi vào tình huống hoang mang vì không biết tri thức triết học giúp ích gì cho chính mình. Nhưng thực tiễn lịch sử cho thấy, dù bằng thái độ thiện cảm hay ác cảm, có nhận thức được vai trò của triết học hay không, triết học vẫn âm thầm tác động trong tư duy lẫn hành động của con người và những vĩ nhân của thế giới từ cổ chí kim đều là những người chủ động nhận thức được ý nghĩa to lớn của triết học, cuộc đời của họ chứa đựng nhiều triết lý sâu sắc. Will Durant đánh giá về triết học Hy Lạp: “Chúng ta thấy rằng triết học ở đó là một cuộc thật tâm theo đuổi sự sáng suốt, một nỗ lực rất nhiệt tình thông qua thảo luận và tự phê phán để đạt đến một lối sống, một *philosophia vitae magistra*<sup>1</sup>, một kiến thức về sự tốt đẹp cho cá nhân và xã hội, và phương tiện để đạt tới đó, một đường hướng có ý thức của các định chế xã hội để đạt những mục đích đạo đức” (Durant, W., 2020, tr. 254). Do đó, chúng ta cần nên trang bị cho chính mình những tri thức triết học để hình thành tư duy lý luận để định hướng giải quyết những vấn đề của đời sống nảy sinh, gắn liền lý luận với thực tiễn. Chính các triết gia Hy Lạp hóa dạy chúng ta rằng không nên dừng việc nghiên cứu triết học ở lĩnh vực lý thuyết, mà cần đưa nó vào cuộc sống, những sinh hoạt hàng ngày để ứng dụng và kiểm tra năng lực thích ứng, làm chủ bản thân trước hiện thực khách quan ra sao<sup>2</sup>. Như Mác và Ăngghen cũng từng khẳng định: “Con người tạo ra hoàn cảnh đến mức nào thì hoàn cảnh cũng tạo ra con người đến mức ấy” (C. Mác và Ph. Ăngghen, 1995, tr. 55). Tuy nhiên, cũng đừng tuyệt đối hóa vai trò của triết học, xem nó là chìa khóa vạn năng cho mọi vấn đề của cuộc sống. Bởi vì, “kết luận mà nghiên cứu triết học đạt tới không phải là lời giải đáp trực tiếp, cụ thể cho từng vấn đề cụ thể vô cùng đa dạng của cuộc sống, mà là cơ sở cho việc xác định những lời giải đáp trực tiếp cụ thể ấy” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021, tr. 526).

*Thứ hai, quan niệm về tác dụng lớn nhất của triết học được biểu hiện cụ thể ở tâm hồn.* Các triết gia của trường phái Khắc kỷ, Epicurus, trường phái Hoài nghi đều cho rằng mục đích cuối cùng hay nói cách khác là kết quả lớn nhất mà triết học và đạo đức học đem đến cho con người là “*ἀταραξία*” (ataraxia) - khái niệm trung tâm chỉ sự thanh thản của tâm hồn, không vướng bận và điềm tĩnh trước mọi hoàn cảnh xảy đến. Ở mỗi trường phái, nội hàm của nó được thể hiện khác nhau, nhưng tựu trung các triết gia cho rằng một người học tập triết học không phải để giải thích những vấn đề thuộc về siêu hình học, bản thể luận, tích chứa kiến thức thật nhiều hay dừng lại ở việc tranh luận. Người học tập triết học phải hiện thực hóa cái khát khao chung của con người, đó là sống đời hạnh phúc. Epictetus cho rằng triết học không giúp con người sở hữu những điều kiện tốt bên ngoài, mà nó chú trọng đến tâm hồn (Epictetus, 2022, tr. 102). Nhưng như thế nào là hạnh phúc? Đó không phải sự giàu có về tài sản vật chất, danh vọng, địa vị, quyền lực chính trị, v.v. mà một tâm hồn tĩnh tại, bình an, thư thái, không bị cuốn theo ham muốn, biết tiết độ và làm chủ chính mình, có tâm thế

<sup>1</sup> *philosophia vitae magistra*: quan niệm xem triết học là “người thầy” của cuộc sống, nói cách khác là xem triết học như một nghệ thuật sống.

<sup>2</sup> Xem thêm: Bức thư số 16 của Seneca gửi Lucilius (Những bức thư đạo đức); đoạn 2.19, 3.21 trong tác phẩm “Discourses of Epictetus” (Những lời giáo huấn của Epictetus); thư của Epicurus gửi Menoeceus và quan niệm của Pyrrho về triết học trong tác phẩm “Cuộc đời các triết gia nổi tiếng” của Diogenes Laertius,...

vững vàng để đối mặt với thử thách trong đời sống hàng ngày mới chính là hạnh phúc thực sự. Epictetus đã dạy học trò rằng: “Hạnh phúc đích thực luôn luôn độc lập với những điều kiện bên ngoài. Một cách cảnh giác, hãy tập điem nhiên đối với những hoàn cảnh bên ngoài. Hạnh phúc của bạn chỉ có thể tìm được ở bên trong nội tâm” (Epictetus, 2021, tr.46). Hay như Epicurus cũng cho rằng sự bình an trong tâm hồn mới là giá trị cốt lõi của đời sống: “Mục đích cuối cùng của mọi hành động của chúng ta là thoát khỏi đau đớn và sợ hãi, và khi chúng ta đạt được tất cả những điều này, bão tố tâm hồn sẽ lắng xuống; nhận thấy rằng con người không cần phải đi tìm cái gì còn thiếu, cũng không cần phải tìm cái gì khác để mang lại lợi ích cho linh hồn và thể xác” (Laertius, D., 2023, tr. 569 - 570).

Thế giới khách quan luôn vận động theo những quy luật của nó và bất cứ chuyện gì cũng có thể xảy ra, dù như ý hay bất như ý với chúng ta. Đứng trước sự biến dịch của đời sống, con người nên nhận thức được những quy luật cơ bản cần thiết để có sự chủ động, làm chủ cuộc đời mình. Con người có một điem chung phổ biến là luôn muốn hạnh phúc, dù xem nó là khát khao để vươn tới hay mục đích ở hiện tại. Aristoteles đã cho rằng hạnh phúc là nỗ lực phấn đấu mà con người thể hiện trong mục tiêu của tất cả hoạt động hay Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ cũng khẳng định con người phải có quyền “muru cầu hạnh phúc”. Có lẽ vì thế nên đã có vô số quan niệm về hạnh phúc và không ít học giả từ cổ đại đến hiện đại bàn về chủ đề này, tuy nhiên đến nay vẫn chưa có sự thống nhất để định nghĩa khái niệm “hạnh phúc” rốt cuộc là gì. Chính vì vậy, mỗi người cần tự định nghĩa về hạnh phúc, nói khác là xây dựng quan niệm sống hạnh phúc riêng cho mình. Để có được quan niệm sống đúng đắn và ý nghĩa, chúng ta không thể có cái nhìn phiến diện, ví dụ đề cao quá mức đời sống vật chất - hạ thấp đời sống tinh thần và ngược lại đều dẫn đến sai lầm. Chúng ta nên tham khảo xem cổ nhân phương Tây lẫn phương Đông, truyền thống dân tộc, bối cảnh hiện tại và những nghiên cứu khoa học để xác định cho bản thân lối sống phù hợp. Và đạo đức học thời kì Hy Lạp hóa là một trong những lời khuyên hữu ích cho con người hiện nay. Sự thống trị của tư duy tôn sùng vật chất, những mặt trái của phương thức sản xuất đã tạo ra khủng hoảng cho con người, hình thành nghịch lý văn minh nhân loại không ngừng đạt được những thành tựu mới nhưng con người ngày càng gặp nhiều rắc rối hơn trong đời sống, nhất là sức khỏe tinh thần giảm sút. Trong khi đó, các triết gia Hy Lạp hóa dù chưa quan niệm đầy đủ, nhưng vẫn có lý trong bối cảnh hiện đại, khi khuyên con người nên xem sự bình an, thanh thản của tâm hồn, sống tiết độ - “thiểu dục tri túc”, lấy những giá trị đó làm mục đích để mọi tư duy và hành động được soi chiếu từ nó và đạt được đời sống hạnh phúc. Con người nên hướng tới lý tưởng minh triết - sử dụng những tri thức tiệm cận đến trí tuệ mãi tiếp xác định ý nghĩa đời sống của mình. Chúng ta nên nhớ rằng dù tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau, nhưng không thể phủ nhận chiều kích hạnh phúc phụ thuộc vào thế giới nội tâm và cách chúng ta quan niệm về nó.

*Thứ ba, đạo đức học của các triết gia thời kì Hy Lạp hóa nhấn mạnh chiều kích thực hành.* Xuất phát từ quan niệm triết học không phải chỉ là hệ thống tri thức lý luận suông, việc học tập lĩnh vực này không phải theo mô hình Academy của Platon hay Lyceum của Aristoteles thiên về nghiên cứu tác phẩm và bàn luận lý thuyết. Các triết gia thời kì Hy Lạp hóa cho rằng triết học phải là những tri thức vừa có tính lý luận vừa có tính thực tiễn, nói đi đôi với làm, muốn thực sự thành công phải đem những tri thức lý thuyết đã học ra thực hành trong đời sống hàng ngày. Người thực hành triết học là người thấm nhuần nó trong đời sống, đem những nguyên tắc của đạo đức học soi rọi và tịnh hóa tâm hồn. Các triết gia thời kì này luôn xem Socrates như tấm gương vĩ đại - người đã thể hiện triết học bằng cả cuộc đời,

chứ không phải bằng những con chữ chết cứng và lời nói sáo rỗng. Đồng thời, các triết gia Hy Lạp hóa cũng khẳng định tầm quan trọng của việc học lý thuyết, nghiên cứu tác phẩm, tư tưởng của các triết gia tiền bối, bởi vì đó là những tấm bản đồ hay la bàn xác định phương hướng, nhưng nếu làm nô lệ cho sách vở, thì giống như chỉ tập trung phân tích bản đồ mà không cất bước đi, cuối cùng cũng chỉ ở vị trí cũ. Chính các nhà Hoài nghi đã tấn công và phê phán tư tưởng giáo điều, dạy cho chúng ta một bài học xem chân lý là quá trình biện chứng có vận động, phát triển và đừng mắc kẹt vào một lập trường nào đó để rồi đau khổ. Hay như Epictetus phê phán những người không thực hành mà chỉ thích ba hoa về triết học, không chú suy tư và trải nghiệm mà chỉ cộp nhặt thuộc lòng những tư tưởng của người khác.

*Thứ tư, đạo đức học thời kì Hy Lạp hóa cung cấp những phương pháp rèn luyện có tính minh triết và sâu sắc.* Các tư tưởng triết học thời kì này gắn liền với quá trình học tập và suy tưởng từ bản thân các triết gia. Họ không giảng dạy thuần túy lý thuyết tư biện, mà tự thực hành và chiêm nghiệm những quan niệm của mình, thực sự đắm thân vào tư tưởng và sống một cuộc đời không xa lìa triết học. Các nhà Khắc kỷ khuyên chúng ta hãy “sống thuận theo tự nhiên”, hòa điệu giữa lý tính cá nhân với logos (lý tính vũ trụ), lấy đức hạnh làm tiêu chuẩn của đạo đức và con đường hạnh phúc là sự rèn luyện kỷ luật vượt qua ham muốn và nghịch cảnh. Epicurus khuyên khích chúng ta lấy khoái lạc đích thực (những nhu cầu tự nhiên và cần thiết) làm đạo đức, vừa sống tĩnh cư vừa sống với những người bạn tốt, rèn luyện không ngoan và đặt sự bình an trong tâm hồn lên trên ham muốn lạc thú thân xác. Các nhà Hoài nghi cho rằng chúng ta nên “treo lừng phán đoán” - đừng khẳng định hay phủ định điều gì, tự do tâm trí để thanh thản và bình yên. Nhìn chung, các triết gia thuộc ba trường phái kể trên đều cung cấp những cách thức rèn luyện - những nguyên tắc đạo đức gắn với phẩm chất trí tuệ, đi từ những vấn đề chung nhất về thế giới đến con người, tâm trí một cách chặt chẽ, gợi mở hệ thống chỉ dẫn thực hành cho người đi theo triết học. Thông qua hai hình thức chủ yếu là thuyết giảng và viết tác phẩm, cùng với hành động tự thân, các triết gia thời kì này đã gắn triết học với giáo dục, sử dụng nó như phương tiện hữu ích để truyền bá, phát triển và thực hành triết học.

Con người luôn mong muốn bản thân được sống hạnh phúc, nhưng đời sống và hạnh phúc đều không nhất thành bất biến hay ổn định. Vì chúng ta có quá nhiều nỗi âu lo, những tình huống khó khăn, thử thách, bên cạnh những nhu cầu không bao giờ dừng lại. Các triết gia thời kì Hy Lạp hóa cho rằng cuộc đời con người sẽ có những sự việc không như ý xuất hiện dù muốn hay không, cũng như Đức Phật dạy chúng ta sự thật đầu tiên trong Tứ diệu đế là Dukkha (Khổ đế)<sup>3</sup>. Từ việc khẳng định về sự bất trắc của cuộc sống, các triết gia thời kì Hy Lạp hóa đưa ra những lời khuyên cho chúng ta. Đó là những hiểu biết cần thiết để mỗi người nhận diện các vấn đề thực tiễn cuộc sống và ứng dụng triết học để định hướng giải quyết; hiểu biết về sự tương đối của đời sống để cân bằng các giá trị sống; hiểu biết để tư duy và hành động trước sự không ổn định của đời sống. Trường phái Khắc kỷ cổ vũ con người sẵn sàng đón nhận nghịch cảnh và như giáo sư William Irvine nói rằng thực hành Khắc kỷ đem lại kết quả: “Một ngày nọ, bỗng dưng ta cảm thấy vui mừng khi được là chính con người ta giờ này, sống cuộc đời ta đang có, ngay tại vũ trụ ta đang cư ngụ” (Weiner, E., 2022, tr. 304). Bertrand Russell nhận xét về Epicurus: “Ông hẳn phải có tình thương cảm mãnh liệt dành cho nỗi khổ đau của nhân loại, và một niềm tin không thể lay chuyển rằng khổ đau sẽ giảm đi nhiều nếu

<sup>3</sup> Khổ đế: Sự có mặt của các trạng thái bất như ý trong đời sống và chúng có thể dẫn đến đau khổ nếu chúng ta không có thái độ, nhận thức, hành vi đúng đắn để đối diện.

người ta chịu áp dụng triết lý của ông” (Russell, B., 2023, tr. 487). Hay như Nietzsche đánh giá về tư tưởng Hoài nghi của Pyrrho: “Chống lại *tất cả những gì thổi phồng con người lên...* Sống đơn giản, kiên trì, vô tư và nhẹ nhõm” (Nietzsche, F., 2023, tr. 362).

Trong đời sống, con người có những lúc rơi vào tình huống mất phương hướng, như bị trôi dạt giữa đại dương không bờ bến. Nhưng đôi lúc một biến cố nào đó hay một thử thách lớn lao của đời sống dành cho mình, sẽ khiến bản thân được dừng lại để suy ngẫm về chính mình, về thế giới và nhận ra nhiều bài học có ý nghĩa. Chúng ta phải thận trọng xem xét thực tại và thiết lập lại đời sống của mình nếu nó có quá nhiều bất hạnh và đó là cơ hội để trở nên thực sự hạnh phúc.

*Thứ năm, đạo đức học thời kì Hy Lạp hóa chứa đựng nhiều giá trị có tính nhân văn, xây dựng con người lý tưởng.* Xuất phát từ bối cảnh lịch sử có nhiều biến động, những cuộc chiến chinh và tranh giành quyền lực thường diễn ra, các triết gia thời kì Hy Lạp hóa đã đưa ra nhiều tư tưởng đề cao cái thiện, kêu gọi con người quay về với chính mình, chú trọng đời sống nội tâm. Một bước chuyển quan trọng trong triết học lại được diễn ra, sau bước chuyển vĩ đại của Socrates, lần này các triết gia chú ý nhiều hơn đến con người cá nhân, không sa đà vào các vấn đề xa rời thực tại, mà nhân mạnh vào cuộc sống hiện tại. Cả ba trường phái Khắc kỷ, Epicurus và Hoài nghi đều thiên về lập trường duy vật, phê phán thần thoại và tôn giáo, chống lại những niềm tin đã làm mê hoặc quần chúng, góp phần giải phóng con người trên phương diện tư duy. Theo Richard Tarnas, “động lực triết học đặc trưng của các trường phái triết học cổ Hy Lạp ít phát sinh từ đam mê hiểu biết thế giới trong chính điều huyền bí và tầm rộng lớn của nó, mà phần nhiều là do nhu cầu cung cấp cho con người một hệ thống niềm tin và sự an bình nội tâm khi đương đầu với môi trường hỗn độn và thù nghịch” (Tarnas, R., 2008, tr. 74). Bên cạnh đó, các triết gia đề xuất mẫu hình con người lý tưởng mới, không phải là người thành công về của cải hay sự nghiệp chính trị, mà đó là con người có đời sống hạnh phúc, an nhiên tự tại giữa nhiều thăng trầm, khó khăn gian khổ từ thế giới khách quan. Đó là người luôn sống với sự định hướng của triết học, phấn đấu rèn luyện hình thành và phát triển nhân cách toàn diện, ngày càng tiệm cận đến hình mẫu “nhà hiền triết” - bậc thầy thông thái, trí tuệ mãi tiếp và làm chủ đời sống.

*Thứ sáu, triết học thời kì Hy Lạp hóa đã tạo ra tiền đề tư tưởng mới và ảnh hưởng sâu rộng đến triết học ở những thời kì tiếp theo.* Trước hết, tư tưởng Khắc kỷ đã được các triết gia của Ki-tô giáo tiếp thu, đánh giá cao và phát triển một số quan niệm đạo đức học của nó. Augustino kế thừa quan niệm của các nhà Khắc kỷ về vai trò của lý trí và lối sống kỷ luật để chống lại các ham muốn bị xem là thấp kém, trần tục. Thomas Aquinas trong tác phẩm *Summa Theologiae* (Tổng luận thần học) đã thêm ba phẩm hạnh của Ki-tô giáo (đức tin, hy vọng, lòng từ thiện) bên cạnh bốn phẩm hạnh Khắc kỷ (trí tuệ, dũng cảm, công bằng, điều độ). Thời Phục hưng, Calvin đã nghiên cứu và viết tác phẩm về triết gia Khắc kỷ Seneca; Montaigne với các tập sách *Tiểu luận* đã chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi tinh thần Khắc kỷ. Triết gia Spinoza thời cận đại thể hiện quan niệm tự nhiên thần luận - phiếm thần luận, phủ nhận tự do ý chí và ủng hộ tất định luận và ông được đánh giá là nhà Khắc kỷ hiện đại. Diderot thể hiện đánh giá cao quan niệm duy vật của các nhà Khắc kỷ trong công trình *Bách khoa toàn thư* của ông. J.J. Rousseau nghiên cứu trường phái Khắc kỷ và kế thừa quan niệm sự hình thành đạo đức của con người mang tính tự nhiên, từ đó ảnh hưởng đến quan niệm giáo dục đạo đức của Rousseau trong tác phẩm *Émile hay là về giáo dục*. Trong *Hệ tư tưởng Đức*, Mác và Ăngghen đánh giá: “Quan niệm của bậc hiền triết của phái khắc kỷ chủ nghĩa hoàn toàn

không phải là “cuộc sống không có sự phát triển sinh mệnh” mà là cuộc sống *hoạt động tuyệt đối* - điều đó là xuất phát từ quan niệm của bậc hiền triết đó về tự nhiên, một quan niệm kiểu Hê-ra-clít, quan niệm năng động, phát triển, sống” (C. Mác và Ph. Ăngghen, 1995, tr. 181).

Về triết học của Epicurus, đến ngày nay vẫn còn tạo ra nhiều tranh cãi và hiểu lầm, tuy nhiên không thể không thừa nhận những đóng góp và ảnh hưởng của nó. Đó là nguyên tử luận - góp phần chống chủ nghĩa duy tâm và tạo tiền đề cho hiểu biết về nguyên tử trong khoa học hiện đại. Mô hình Khu vườn triết học như một xã hội lý tưởng thu nhỏ đã ảnh hưởng đến tư tưởng chính trị - xã hội của Hobbes và Rousseau, cũng như cách chúng ta xem xét vấn đề công bằng xã hội ngày nay. Quan niệm về khoái lạc của Epicurus đã tác động đến trường phái triết học vị lợi thế kỷ XIX. Triết gia Bentham tuyên bố rằng đời sống con người con người tồn tại song hành niềm vui - nỗi buồn và J.S. Mill ủng hộ tự do ngôn luận, giảm đói nghèo và giải phóng phụ nữ. Mác đánh giá về tư tưởng của Epicurus như sau: “Triết học Ê-pi-quy-a có ý nghĩa quan trọng nhờ tính chất ngây thơ của những kết luận đưa ra mà không có tính định kiến đặc trưng cho thời đại mới” (C. Mác và Ph. Ăngghen, 2000, tr. 59). Còn trường phái Hoài nghi, đã cho thấy tính tương đối của tư duy con người, khẳng định tư duy nên được tự do, không bị trói buộc bởi những quan niệm, lập trường giáo điều. Con người cần không ngừng tiến lên để nhận thức thế giới và chính mình, hoài nghi có nguyên tắc là điều cần thiết để thúc đẩy khoa học và hiểu biết phát triển.

### 3. Hạn chế

Để có cái nhìn toàn diện và khách quan, chúng ta cần chỉ ra một số hạn chế trong tư tưởng của các nhà triết học thời kì Hy Lạp hóa bên cạnh những giá trị họ để lại.

*Thứ nhất, các triết gia thời kì Hy Lạp hóa chưa xem xét vấn đề con người một cách đầy đủ.* Như đã nói, xuất phát từ bối cảnh lịch sử không ổn định, con người hoang mang, lạc lõng, nên triết học lúc bấy giờ đã chuyên hướng đi sâu hơn về con người, những vấn đề nhân sinh. Tuy nhiên, các triết gia thời kì này đã có khuyết điểm khi tuyệt đối hóa phân tâm hồn - đời sống tinh thần của con người, hạ thấp phần thân xác - đời sống vật chất. Các triết gia đưa ra quan niệm đề cao tâm hồn, xem sự bình an của nó là cứu cánh của triết học, ca ngợi những giá trị tốt đẹp của đời sống tinh thần. Đối với họ, thân xác là thấp kém, bởi những nhu cầu của nó khi vượt quá giới hạn sẽ trở thành ham muốn vô độ, đẩy con người rời xa hạnh phúc và nhanh chóng đi đến đau khổ, gây nên những tội ác. Điều này không phải không có lý, bởi vì thực tiễn lịch sử đã cho thấy cái chết của Alexandros Đại đế đã chấm dứt sự thống nhất của đế chế Macedonia, những người nắm quyền lực sa vào dục vọng đẩy nền tự do Hy Lạp xưa vào chỗ tận diệt; ở La Mã đã chứng kiến sự cai trị của nhiều bạo chúa như Caligula, Nero, Domitian. Nhưng dưới quan điểm của triết học Mác - Lenin, con người là một sinh vật có sự thống nhất giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần, là một thực thể sinh học - xã hội. Thân xác không phải là công cụ của tâm hồn, mà chúng là cả hai mặt thống nhất biện chứng của một con người. Để tồn tại và phát triển, con người không thể chỉ tiến hành sản xuất tinh thần, mà phải kết hợp nó với hai phương diện khác là sản xuất vật chất - xét đến cùng giữ vai trò quyết định toàn bộ sự vận động, phát triển của đời sống xã hội, sản xuất ra bản thân con người. Các nhà Khắc kỷ khi giải thích các vấn đề đạo đức học đã thiên về việc sử dụng tinh thần để lý giải, đôi lúc rời xa lập trường duy vật ban đầu của mình. Triết gia Epicurus khuyến khích con người ẩn cư, tránh xa các hoạt động xã hội, như vậy là chưa thật sự toàn diện. Trường phái Hoài nghi giữ thái độ đứng đưng thái quá với tri thức, dễ trở nên vô cảm với đời sống. Ngày nay, các quan điểm hiện đại đã chứng minh mối quan hệ giữa thân xác và tâm hồn là không thể tách rời, chúng gắn bó, tác động qua lại lẫn nhau.

*Thứ hai, đạo đức học của thời kì Hy Lạp hóa thuộc lập trường duy lý, quá đề cao vai trò của lý tính.* Trong đạo đức học hiện đại, ý thức đạo đức bao gồm hai mức độ là cảm tính và lý tính. Ý thức đạo đức cảm tính được biểu hiện thành tình cảm đạo đức, đây là thái độ của con người trước những yêu cầu đạo đức được hiện thực đặt ra. Còn ý thức đạo đức lý tính bao gồm tri thức đạo đức, chuẩn mực đạo đức, lý tưởng đạo đức. Có thể thấy, con người muốn hình thành được ý thức lý tính về đạo đức thì không thể bỏ qua giai đoạn cảm tính, tức là những cảm xúc về hành vi của chính mình và người khác, đây cũng là đặc trưng mang bản chất người. Vì thế, con người cần có sự hài hòa về cả tình cảm - tri thức - lý tưởng đạo đức để nhận thức và thực hiện hành vi đạo đức một cách tốt đẹp. Các nhà Khắc kỷ có quan niệm xem thường cảm xúc, cho nó là cội nguồn của sai lầm, dẫn con người đến cái ác và bất hạnh. Seneca khuyên con người: “Hãy kháng cự các cảm xúc ngay khi chúng chớm đến, vì, như tôi đã nói, ngăn chặn chúng từ đầu dễ hơn cố dứt bỏ chúng về sau” (Seneca, T2, 2022b, tr. 443). Nhưng sẽ là sai lầm nếu không đánh giá đúng về nguồn gốc và vai trò của cảm xúc, bởi chúng tạo nên tình cảm đạo đức và tiếp đến là tri thức đạo đức. Việc dùng lý tính kiểm soát bản thân một cách quá mức, sẽ dẫn đến sự đè nén và cất chứa cảm xúc trong vô thức - kho tàng của tâm trí, để rồi khi không được chuyển hóa, chúng sẽ bộc lộ thành những “con bão cảm xúc”, gây ra hệ quả tai hại. Một nhân cách toàn diện phải có sự hài hòa hai mặt tình cảm và lý tính, rèn luyện đạo đức không nên là quá trình trở thành người cứng nhắc, kỷ luật như máy móc được lập trình. Trong triết học Epicurus, có nhiều quan niệm thiên về nhận thức cảm tính và khuyến khích con người cảm nhận cuộc sống, nhưng cũng quan niệm rằng để có hạnh phúc, con người cần có sự khôn ngoan trên nền tảng lý tính. Nhìn chung, đạo đức học thời kì Hy Lạp hóa là đạo đức học duy lý, do ảnh hưởng từ luận điểm tri thức dẫn đến đức hạnh của Socrates.

*Thứ ba, đạo đức học thời kì Hy Lạp hóa xét trong mối tương quan với các vấn đề chính trị - xã hội bị hạn chế bởi thời đại.* Trường phái Hoài nghi với phương châm “treo lưng phán đoán” đã trở nên dửng dưng, thờ ơ với các vấn đề chính trị - xã hội, họ chỉ tập trung vào logic học - nhận thức luận nhằm hướng đến đạo đức. Triết học Epicurus có một số quan niệm có thể bất cập như khuyến khích con người sống một mình, không kết hôn - sinh con, chọn nơi yên tĩnh, hẻo lánh. Tuy nhiên, Epicurus cũng đưa ra quan niệm về công bằng xã hội, ông cho rằng con người nên đi đến một “khế ước xã hội” với cam kết không được làm hại lẫn nhau và nhấn mạnh công bằng có tính tương đối. Trường phái Khắc kỷ có sự khác biệt so với hai trường phái nói trên về quan niệm chính trị - xã hội. Bởi lẽ, những người thuộc trường phái Khắc kỷ không kêu gọi con người tránh xa chính trị, ngược lại, khuyến khích con người tham gia chính trị để đem lại lợi ích chung nhiều nhất có thể. Họ cũng thấy được con người là thực thể có tính xã hội, do đó chủ trương con người nên sống thân ái với nhau bằng bộ luật được làm nên từ luật vũ trụ và hướng tới chủ nghĩa công dân thế giới. Nhưng, những quan niệm đó cũng bộc lộ vấn đề không tương, bởi con người sống rải rác trên hành tinh, chịu sự ảnh hưởng bởi điều kiện tự nhiên và truyền thống văn hóa khác biệt. Thực tiễn lịch sử cho thấy không phải chỉ có các quốc gia mâu thuẫn với nhau, mà chính trong cùng một quốc gia cũng tồn tại những mâu thuẫn về sắc tộc, tôn giáo. Nên chủ nghĩa công dân thế giới là một lý tưởng hòa bình đẹp, nhưng không phải sự thống nhất, sáp nhập một cách máy móc các quốc gia và dân tộc.

Tóm lại, các trường phái Khắc kỷ, Epicurus, Hoài nghi đều tồn tại hạn chế riêng bên cạnh một số hạn chế chung, không một trường phái nào trong số đó là hoàn toàn đúng đắn. Tuy nhiên, cần phải nhận thức những hạn chế đó toàn diện, tuân thủ quan điểm lịch sử - cụ thể và nguyên tắc khách quan, khoa học để có cái nhìn tối ưu, chuẩn xác về tư tưởng của họ.

#### 4. Kết luận

Có thể thấy các triết gia thời kì Hy Lạp hóa đã hình thành nên những tư tưởng đạo đức mới, góp phần giúp con người giải quyết vấn đề mà bối cảnh đời sống nảy sinh. Những tư tưởng đạo đức học của ba trường phái Khắc kỷ, Epicurus, Hoài nghi đã để lại những giá trị to lớn trên nhiều phương diện. Nền đạo đức học đó chẳng những không mất đi một cách hoàn toàn cùng với hình thái kinh tế - xã hội chiếm hữu nô lệ, mà còn được những triết gia qua các thế hệ tiếp nối kế thừa, phê phán, bổ sung và phát triển. Sự ảnh hưởng của nền đạo đức học đó không dừng lại ở thời kì cổ đại, mà là một dòng chảy bền bỉ và âm thầm từ thời trung cổ đến hiện đại. Bên cạnh đó, triết học - đạo đức học thời kì Hy Lạp hóa cũng bộc lộ một số hạn chế nhất định, do chịu sự chi phối bởi giới hạn của bối cảnh thời đại. Việc nghiên cứu toàn diện và khách quan là một yêu cầu đảm bảo cho cái nhìn chính xác, đầy đủ về triết học, đạo đức học thời kì này. Trong bối cảnh xã hội hiện đại, việc tiếp thu những giá trị của triết học - đạo đức học thời kì Hy Lạp hóa sẽ cung cấp phương pháp luận cho con người trong việc xây dựng cuộc sống hạnh phúc ở ngay hiện tại.

#### Tài liệu tham khảo

1. Bertrand Russell. 2023. *Lịch sử triết học phương Tây*. Tập 1. Hồ Hồng Đăng dịch. Nxb. Thế giới. Hưng Yên.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2021. *Giáo trình Triết học (hệ chuyên)*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật. Hà Nội.
3. C. Mác và Ph. Ăngghen. 1995. *Toàn tập*. Tập 3. Nxb. Chính trị Quốc gia. Hà Nội.
4. C. Mác và Ph. Ăngghen. 2000. *Toàn tập*. Tập 40. Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật. Hà Nội.
5. David E. Cooper. 2005. *Các trường phái triết học trên thế giới*. Lưu Văn Hy và nhóm Tri Tri dịch. Nxb. Văn hóa - Thông tin. Tp. Hồ Chí Minh.
6. Diogenes Laertius. 2023. *Cuộc đời của các triết gia nổi tiếng*. Nguyễn Thanh Xuân dịch. Nxb. Đà Nẵng. Hà Nội.
7. Epictetus. 2021. *Nghệ thuật sống*. Đỗ Tư Nghĩa dịch. Nxb. Hồng Đức. Tp. Hồ Chí Minh.
8. Epictetus. 2022. *Những lời giáo huấn của Epictetus*. Công Thành dịch. Nxb. Công Thương. Hà Nội.
9. Eric Weiner. 2022. *Lên tàu cùng Socrates*. Lê Hải Dung dịch. Nxb. Trẻ. Tp. Hồ Chí Minh
10. Friedrich Nietzsche. 2023. *Ý chí quyền lực*. Tập 1. Nguyễn Sỹ Nguyên dịch. Nxb. Khoa học xã hội. Tp. Hồ Chí Minh.
11. Lê Thị Hương. 2020. “Vai trò của người thầy trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy môn Triết học Mác - Lênin ở các trường đại học hiện nay”. *Tạp chí Khoa học giáo dục*, số 32, tr. 12 - 17.
12. Richard Tarnas. 2008. *Quá trình chuyển biến tư tưởng phương Tây*. Lưu Văn Hy dịch. Nxb. Văn hóa - Thông tin. Tp. Hồ Chí Minh.
13. Seneca. 2022a. *Những bức thư đạo đức*. Tập 1. Andy Lương dịch. Nxb. Thế giới. Hưng Yên.
14. Seneca. 2022b. *Những bức thư đạo đức*. Tập 2. Andy Lương dịch. Nxb. Thế giới. Hưng Yên.
15. Will Durant. 2020. *Triết học và vấn đề xã hội*. Phạm Viêm Phương dịch. Nxb. Tri thức. Tp. Hồ Chí Minh.